TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2018.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Tám

2. Ông Huỳnh Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23/8/2018 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/10/2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Lương Thị P, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số 43, tổ 3, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh An Giang.

* *Bị đơn*: Nguyễn Hoà Th, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số 74, tổ 10, ấp AT, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị P thì vụ án có nội dung như sau*:

Nguyên đơn P và bị đơn Th tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung bên gia đình bị đơn Th vào ngày 25/10/2017Al, sau đó đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2018.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp và không cùng quan điểm sống nên vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Từ ngày 03/6/2018 nguyên đơn P về nhà cha mẹ ruột ở An Giang sinh sống cho đến nay.

Nguyên đơn P cho rằng, hiện nay không còn tình cảm yêu thương bị đơn Th và cương quyết không về sống chung cùng bị đơn Th. Vì vậy, nguyên đơn P khởi

kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết để nguyên đơn P được ly hôn chồng là bị đơn Th.

Tài sản được cho tặng trong ngày cưới gồm: Cha mẹ chồng cho tặng 01 cặp nhẫn cưới vàng 18Kra, không biết trọng lượng, vợ chồng mỗi người đeo 01 chiếc, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24Kra và 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24Kra, cha mẹ vợ không cho tặng tài sản trong ngày cưới. Dây chuyền thì đã bán được hơn 10 triệu, trả nợ cho bị đơn Th 2.000.000đ, trả lại cho cha mẹ chồng 5.700.000đ, còn lại nguyên đơn P đã tiêu xài hết. Hiện nay nguyên đơn P đang giữ 01 nhẫn cưới và đôi bông tai, nguyên đơn P yêu cầu được giữ các tài sản cho tặng nêu trên để làm kỷ niệm và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản cho tặng trong ngày cưới. Trong quá trình sống chung vợ chồng không có tài sản chung.

Do chưa có con chung, không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Nguyễn Hòa Th trình bày*: Ông thừa nhận nguyên đơn P trình bày về thời gian tổ chức đám cưới về sống chung, thời gian đăng ký kết hôn, tài sản được cho tặng trong ngày cưới và thời gian không sống chung là đúng sự thật. Bị đơn Th không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm yêu thương nguyên đơn P và mong muốn gia đình đoàn tụ để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung và không thiếu nợ ai. Do bị đơn Th không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản được cho tặng trong ngày cưới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận họ tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung vào ngày 25/10/2017Al, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2018. Lời thừa nhận nêu trên của các đương sự phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn do các đương sự cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn chồng là bị đơn Th vì cho rằng sống chung không hạnh phúc, bị đơn Th không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm yêu thương nguyên đơn P, mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức phải ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ về sống chung để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn P thì thấy rằng: Tình cảm vợ chồng phải được cả hai cùng vun đắp, xây dựng, không thể xuất phát từ một bên, vợ chồng các đương sự đã không sống chung từ ngày 03/6/2018 đến nay. Xét thấy, nguyên đơn P và bị đơn Th không sống chung đã lâu, trong một thời gian dài các bên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, mặc dù

Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ 02 lần nhưng các đương sự không đoàn tụ được. Tại phiên tòa, nguyên đơn P trình bày không còn tình cảm yêu thương bị đơn Th và cương quyết không sống chung với bị đơn Th, thì không ai có quyền ép buộc nguyên đơn P phải sống chung cùng với bị đơn Th. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn P, tuyên bố nguyên đơn Lương Thị P được ly hôn chồng là bị đơn Nguyễn Hoà Th.

[2] *Về tài sản được cho tặng trong ngày cưới*: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] *Án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn P phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị P.

1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Nguyên đơn Lương Thị P được ly hôn chồng là bị đơn Nguyễn Hòa Th.

2. *Về tài sản được cho tặng trong ngày cưới*: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. *Án phí*: Nguyên đơn P phải chịu 300.000đ (*ba trăm năm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0004210, ngày 23/8/2018. Nguyên đơn P đã nộp đủ án phí sơ thẩm, bị đơn Th không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung